

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 29-4-2021.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Lê N, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh N; hiện cư trú tại: Tổ 10, ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài T, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 1, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh N, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Lê N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoài T chung sống với nhau năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh N, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống với gia đình anh T tại khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh N; đến khoảng năm 2016 thì chuyển về sống với gia đình chị tại ấp L, xã B, huyện B, tỉnh N cho đến nay. Thời gian vợ chồng chung sống không hạnh phúc,

không quan tâm đến cuộc sống của nhau, tiền bạc chi tiêu và sinh hoạt riêng. Nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc của gia đình và khắt khe chi li trong cuộc sống hàng ngày. Tháng 8 năm 2020 chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng sau đó rút đơn khởi kiện để vợ chồng hòa giải, tuy nhiên đến nay anh T vẫn không thay đổi, nên vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu tháng 01 năm 2021 cho đến nay, nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Trường T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2012. Cháu T đang sống với chị, cháu V đang sống với anh T. Chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 3 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Hoài T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Phạm Thị Lê N về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống ly thân là đúng. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do trước Tết âm lịch năm 2021 anh có uống rượu, chửi mắng chị N nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, gia đình có hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên đến nay vợ chồng anh vẫn không hòa giải được và chị N tiếp tục yêu cầu ly hôn với anh, nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về con chung là đúng. Anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tường V; giao cháu Nguyễn Trường T cho chị N nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

+ Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T.

+ Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Trường T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2012 cho

chị Phạm Thị Lê N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Lê N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị Lê N và bị đơn anh Nguyễn Hoài T có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N và anh T.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 27/4/2009 tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh N theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị N yêu cầu ly hôn với anh T với lý do anh T thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con, đập phá đồ đạc của gia đình, khắt khe chi li trong cuộc sống hàng ngày. Quá trình giải quyết vụ án, anh T thừa nhận nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh uống rượu, chửi mắng chị N và anh đồng ý ly hôn với chị N. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T có 02 con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Trường T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2012. Xét yêu cầu được quyền nuôi con chung của chị N và anh T thấy rằng: Tại biên bản lấy lời khai hai cháu Nguyễn Tường V và Nguyễn Trường T ngày 19/01/2021 (bút lục số 22, 23), hai cháu có nguyện vọng sống cùng chị N. Qua xác minh tại địa phương và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện, chị N có công việc ổn định, là kế toán trường Mẫu giáo B, xã B, huyện B, tỉnh N, thu nhập hàng tháng 4.500.000 đồng; ngoài ra chị N còn có thu nhập từ việc thu hoạch mủ cao su của gia đình mỗi tháng khoảng 7.500.000 đồng, đảm bảo điều kiện về kinh tế, thời gian và môi trường sống để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai cháu V và T, xét thấy cần giao hai cháu V và T cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N đã được giải thích quy định của pháp luật tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

đối với người không trực tiếp nuôi con, nhưng chị N vẫn không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cần ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị Lê N phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Tường V, sinh ngày 10 tháng 8 năm 2010 và Nguyễn Trường T, sinh ngày 19 tháng 12 năm 2012 cho chị Phạm Thị Lê N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh Nguyễn Hoài T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, chị Phạm Thị Lê N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị Lê N phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004859 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Lê N và anh Nguyễn Hoài T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

60. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng Ktr-NV-THA, TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THADS huyện Tân Biên;
- UBND thị trấn B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Thúy

